TÒA ÁN NHÂN DÂN H. HÒA VANG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số **34/2023**/HNGĐST
Ngày **10/8/2023**
V/v Tranh chấp"Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Hải
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bút
Bà Lê Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Mai Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 10/08/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/07/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/07/2023; giữa:

**** Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Dạ T**; sinh năm 1989; HKTT: Thôn N, xã H, huyện H, thành phố Đ. Chỗ ở hiện tại: phường H, quận L, thành phố Đ. Có mặt

**** Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc D** sinh năm 1984; Trú tại: Thôn N, xã H, huyện H, thành phố Đ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Dạ T trình bày:* Tôi (T) và ông Nguyễn Ngọc D xây dựng gia đình với nhau vào năm 2019, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký tại kết hôn tại UBND xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, Tp. Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Thôn N, xã H, huyện H, TP. Đ đến khoảng giữa năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai có lối sống khác biệt, thường xuyên cãi vả, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mặc dù tôi cũng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả mà mẫu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ khoảng cuối tháng 11/2022 đến nay không ai còn quan quan tâm đến nhau. Tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa tôi và ông Nguyễn Ngọc D có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 25/09/2020. Nếu Tòa án giải

quyết ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, *trong quá trình tố tụng, bị đơn – Ông Nguyễn Ngọc D trình bày*: Về thời gian điều kiện kết hôn như lời trình bày của bà Nguyễn Thị Dạ T là đúng. Vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì cũng phát sinh mâu thuẫn xích mích nhưng không đáng kể, tuy nhiên theo tôi mâu thuẫn của vợ chồng không trầm trọng để dẫn đến việc ly hôn. Tôi xác định vẫn còn tình cảm với bà Nguyễn Thị Dạ T. Khả năng đoàn tụ của vợ chồng là có thể. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi không đồng ý. Tôi mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Trong thời gian chung sống tôi và bà Nguyễn Thị Dạ T có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 25/9/2020. Tôi mong muốn đoàn tụ để vợ chồng xây dựng hạnh phúc và nuôi dạy con cái. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, Tp. Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật TTDS.

Về nội dung, đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Dạ T đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc D.

Xử: Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Dạ T được ly hôn ông Nguyễn Ngọc D. Về con chung: Giao con Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 25/9/2020 cho bà Nguyễn Thị Dạ T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, ông Nguyễn Ngọc D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Dạ T và ông Nguyễn Ngọc D xác định không có, không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang nhận được đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Dạ T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông Nguyễn Ngọc D; Trú tại: Thôn N, xã H, huyện H, TP. Đ và đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195 và khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật TTDS.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Dạ T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Ngọc D vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật TTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Xét về nội dung:* Bà Nguyễn Thị Dạ T và ông Nguyễn Ngọc D xây dựng gia đình với nhau vào năm 2019, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, Tp. Đà Nẵng, số 21/2019, ngày 10/04/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Thôn N, xã H, huyện H, Tp. Đ đến khoảng giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà Nguyễn Thị Dạ T là do cả hai có quan điểm lối sống khác biệt, thường xuyên cãi vả, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thiếu tôn trọng lẫn nhau. Mặc dù cả hai vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm gia đình nhưng vẫn không có kết quả mà ngày càng trầm trọng, bà T dọn về nhà cha mẹ của bà T ở và vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng cuối tháng 11/2022 đến nay không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với nhau. Bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Dạ T đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc D.

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con của bà Nguyễn Thị Dạ T đối với ông Nguyễn Ngọc D, HĐXX thấy rằng: Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng bà T và ông D đã có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp và không còn tin tưởng tôn trọng lẫn nhau. Theo bà T thì nguyên nhân là do cả hai có lối sống khác biệt, thường xuyên cãi vả, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Mặc dù bà cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm gia đình nhưng mâu thuẫn vẫn không đạt được cải thiện mà ngày càng thêm trầm trọng. Do đó bà đã về lại nhà cha mẹ của bà sinh sống từ cuối tháng 11/2022 đến nay, không ai còn quan tâm có trách nhiệm với nhau.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà T và ông D đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T đối với ông D là phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu được đoàn tụ gia đình của ông Nguyễn Ngọc D, HĐXX thấy rằng nguyên nhân theo ông D là vợ chồng cũng có xích mích, mâu thuẫn cãi vả nhỏ trong cuộc sống nhưng không trầm trọng, khả năng đoàn tụ và hàn gắn với bà T là có thể, ông không đồng ý về việc khởi kiện ly hôn của bà T. Yêu cầu được đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết đến nay ông D không có biện pháp nào để níu kéo hạnh phúc, hàn gắn tình cảm với bà T, hiện tại ông D và bà T vẫn đang sống ly thân, mỗi người mỗi nơi không ai có trách nhiệm với ai. Tại biên bản xác minh ngày 05/06/2023 của Tòa án thì ông Nguyễn Ngọc D và bà Nguyễn Thị Dạ T có thường trú tại thôn N, xã H, huyện H, thành phố Đ. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vả, xô xát nhau, mặc dù chính quyền địa phương cũng khuyên nhủ hòa giải nhưng không có kết

quả. Tại phiên tòa, bà T vẫn kiên quyết và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn. Mặt khác tại phiên tòa ông D vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX thấy rằng ông D cũng không còn tha thiết hàn gắn tình cảm với bà T, khả năng yêu cầu đoàn tụ của ông D với và bà T là điều không thể. Vì vậy yêu cầu của ông D HĐXX thấy không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Bà T và ông D xác định trong thời gian chung sống có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 25/9/2020. Ly hôn, bà T và ông D đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của bà T và ông D, HĐXX thấy rằng con chung Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 25/9/2020 hiện tại đang dưới 36 tháng tuổi nên theo quy định pháp luật để đảm bảo sự nuôi dưỡng, chăm sóc đầy đủ cho cháu thì cần thiết giao cho bà Nguyễn Thị Dạ T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật. Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Dạ T và ông Nguyễn Ngọc D xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Dạ T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 271, 273 Bộ luật TTDS. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Ly hôn, nuôi con"* của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Dạ T đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc D. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Dạ T được ly hôn ông Nguyễn Ngọc D.

2. *Về con chung:* Giao con Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 25/9/2020 cho bà Nguyễn Thị Dạ T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Ngọc D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không nuôi con vẫn được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị Dạ T phải chịu 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009910 ngày 17/04/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, Tp. Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC THÀNH VIÊN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *VKSND h.Hòa Vang;*
- *UBND xã Hòa Bắc;*
- *Chi cục THADS h. Hòa Vang;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu HNGĐ (L) .*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Hồng Hải